

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST

Ngày 30-01-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con và cấp dưỡng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Danh Văn Hoàng

Ông Nguyễn Huỳnh Hải.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Tây Ninh tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Bé Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 131/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp R, xã T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp R, xã T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh Đ xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã N, tỉnh Hậu Giang (cũ). Nay là phường Đ, thành phố Cần Thơ.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Phương M (nữ), sinh ngày 19/01/2017. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Đ sống thiếu trách nhiệm

với gia đình, hiện tại vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ, yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Không thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu về việc ly hôn, nuôi con và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Riêng yêu cầu cấp dưỡng, bà T có thay đổi, chỉ yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng từ thời điểm ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kết quả xác minh của Tòa án:

Về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Đ chủ yếu do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và chuyện tiền bạc, chi tiêu trong gia đình. Về công việc thì bà T buôn bán cũng có nguồn thu nhập thường xuyên, ông Đ đi làm vườn, làm thuê, có thu nhập mỗi tháng từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Con chung đang sống cùng bà T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Bà T và ông Đ xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã N, tỉnh Hậu Giang nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu về ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phương M, sinh ngày 19/01/2017, giới tính nữ là có cơ sở chấp nhận yêu cầu vì bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M đảm bảo về vật chất lẫn tinh thần, hơn nữa cháu M có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc giao con chung Nguyễn Phương M cho bà thụ trực tiếp nuôi, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi là có cơ sở chấp nhận vì bà T hiện đang buôn bán tạp hóa nhỏ đủ để phục vụ cuộc sống, cháu M đã trên 07 tuổi nên cần chi phí cho việc sinh hoạt và học tập, hơn nữa khi ly hôn, ông Đ

phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đồng thời phù hợp với quy định tại các điều 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Đường K yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng” được quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Ấ, xã T, tỉnh Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh Đ xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N, tỉnh Hậu Giang. Nay là phường Đ, thành phố Cần Thơ nên là hôn nhân hợp pháp, bà T yêu cầu giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà T cho rằng quá trình chung sống, giữa bà T và ông Đ đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đã sống ly thân nên cương quyết ly hôn.

Đối với bị đơn, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng, mời hòa giải nhiều lần để tạo cơ hội cho các đương sự hàn gắn tình cảm nhưng bị đơn bỏ mặc không đến Tòa án trình bày ý kiến, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về con chung: Bà T và ông Đ có 01 con chung tên Nguyễn Phương M (nữ), sinh ngày 19/01/2017 hiện sống chung với bà T và ông Đ bà T và ông Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà T yêu cầu được nuôi con chung, ông Đ không thể hiện ý kiến về việc có tranh chấp việc nuôi con. Ngoài ra, cháu

Nguyễn Phương M đã trên 07 tuổi có nguyện vọng sống chung với mẹ nếu ba, mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung và phù hợp với nguyện vọng của cháu bé, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện, bà T yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà T1 thay đổi một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000 đồng/tháng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu là quyền tự định đoạt của đương sự và nhận thấy ông Đ cũng có việc làm và có thu nhập thường xuyên, ổn định, mức yêu cầu cấp dưỡng của bà T là phù hợp với quy định tại các điều 82, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, đồng thời tại thời điểm giải quyết việc ly hôn cũng không có ai tranh chấp về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm, ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng” với ông Nguyễn Minh Đ.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Minh Đ.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phương M (nữ), sinh ngày 19/01/2017 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc (con chung đang sống cùng bà T và ông Đ).

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Phương M (nữ), sinh ngày 19/01/2017 mỗi tháng 1.500.000 đồng từ tháng 02 năm 2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng với mức lãi suất 10%/năm (Theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh theo biên lai số 0009539 ngày 27/10/2025 sang tiền án phí.

Buộc ông Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV9 - Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND P.Đại Thành, TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh